

Số: 151 /2016/ VMS-ĐC
V/v đính chính số liệu BCTC Quý 3 năm 2016

Hải phòng, ngày 11 tháng 11 năm 2016

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Ngày 27/10/2016, Công ty cổ phần Phát triển hàng hải (Mã chứng khoán: VMS) đã thực hiện việc công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2016 theo quy định. Công ty cổ phần Phát triển hàng hải phát hiện có sự sai sót về số liệu tại Báo cáo kết quả kinh doanh, cụ thể như sau:

Tại cột Năm nay, chỉ tiêu số 16: Chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Số đã báo cáo: -2.067.977.176

Số điều chỉnh lại: -2.069.977.176

Dẫn đến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có sự thay đổi:

Số đã báo cáo: -3.848.610.867

Số điều chỉnh lại: -3.848.458.867

Nguyên nhân: Sai sót do lỗi đánh máy.

Công ty cổ phần Phát triển hàng hải xin trân trọng gửi Quý cơ quan nội dung đính chính số liệu Quý 3 năm 2016 để công bố ra thị trường.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Lưu TH, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Q3/2016	Năm trước Q3/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	57.924.080.076	62.694.796.476	174.942.513.808	179.675.146.025
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.1	57.924.080.076	62.694.796.476	174.942.513.808	179.675.146.025
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	52.091.049.139	55.049.835.326	153.885.420.947	160.886.081.416
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.833.030.937	7.644.961.150	21.057.092.861	18.789.064.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	365.228.279	1.459.057.920	1.742.228.690	3.035.342.538
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	53.165.757	267.972.760	19.411.577.441	304.598.589
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	22.946.365		109.945.066	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	3.104.851.505	1.086.378.921	9.415.122.892	3.933.598.293
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		3.017.295.589	7.749.667.389	-6.137.323.848	17.586.210.265
11. Thu nhập khác	31	VI.6	290.909.048	135.546.596	920.469.929	885.289.621
12. Chi phí khác	32	VI.7	128.868.802	89.504.781	700.658.124	268.326.606
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		162.040.246	46.041.815	219.811.805	616.963.015
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.179.335.835	7.795.709.204	-5.917.512.043	18.203.173.280
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			1.691.973.405	924.000	3.821.606.026
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-2.069.977.176	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.179.335.835	6.103.735.799	-3.848.458.867	14.381.567.254
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		353	678	-428	1.598

Hải phòng, ngày 11 tháng 11 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đạ Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng